

Bản án số: 167/2025/DS-PT
Ngày 22 – 01 – 2025
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí.

Các Thẩm phán:

- Ông Trương Thanh Dũng.
- Ông Lê Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/204/TLPT-DS, ngày 16/10/2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 118/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị E**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021)(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trần Kim T1** – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phạm Út T2**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Phạm Văn T3**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Bà **Phạm Thị E**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T3, ông D: Bà **Phạm Thị E**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021)(có mặt).*

3.4. Bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.5. Cháu **Phạm Trọng V**, sinh năm 2008.

*Người đại diện theo pháp luật của cháu V: Ông **Phạm Út T2**, sinh năm 1974 và bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).*

3.6. Chị **Lê Kim N**, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.7. Anh **Lê Trường G**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3.8. Anh **Lê Trường V1**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.9. Chị **Lê Thị Cẩm T4**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.10. Anh **Lê Vũ K**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.11. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

3.12. Anh **Phạm Văn T5**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3.13. Anh **Phạm Văn T6**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

3.14. Chị **Phạm Thị G1**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.15. Chị **Phạm Thị D1**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3.16. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn T7** – Chủ tịch UBND huyện P (vắng mặt).*

3.17. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Thanh Đ** – Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P (vắng mặt).*

- *Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị E.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Phạm Văn T là nguyên đơn trình bày: Cha mẹ ruột của ông T là cụ Phạm Công T8 là liệt sĩ hy sinh vào ngày 26/8/1968 và cụ Lê Thị L chết ngày 18/4/2018. Cụ T8 và cụ L có tất cả 06 người con chung là: Bà Phạm Thị Đ1 (đã chết ngày 09/6/2003 âm lịch), ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T9 (đã chết ngày 06/11/2017), ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, bà Phạm Thị S (đã chết khi còn nhỏ). Sau khi cụ T8 chết, cụ L có chồng khác là cụ Trần Văn C1 và có được 02 người con chung là ông Phạm Út T2 (bị đơn) và ông Phạm Văn D. Cụ L và cụ Trần Văn C1 đã ly hôn, cụ C1 đã chết trước khi cụ L chết. Ngoài ra, cụ L không còn con nuôi hay con riêng nào khác. Tại thời điểm cụ T8 và cụ L chết thì cha mẹ của cụ T8 và cụ L đều đã chết.

Cụ L chết để lại di sản gồm phần đất diện tích 714,9m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41 và phần đất diện tích 167,1m² thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41, tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do cụ Lê Thị L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp cho cụ L theo chế độ gia đình liệt sĩ với số tiền 30.000.000 đồng, cụ L xây dựng, căn nhà hoàn thành với tổng chi phí khoảng 110.000.000 đồng. Căn nhà, đất hiện do ông T2 đang quản lý, sử dụng cùng vợ Ngô Thị C và con là Ngô Trọng V2. Ngoài ra, cụ L còn để lại phần tiền bồi thường hỗ trợ cho cụ L 7.771.415 đồng tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P.

Ông T rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 90,7m² (trong đó diện tích 36,5m² thuộc thửa đất số 98 tờ bản đồ số 41 và diện tích 54,2m² thuộc thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41 (có 12,1m² đất quy hoạch giao thông)) do các đương sự thống nhất phần đất này để lại làm lối đi chung và phần đất diện tích 27,8m² (trong đó diện tích 1,2m² thuộc thửa đất số 98 tờ bản đồ số 41 và diện tích 26,6m² thuộc thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41) là đất mồ mả.

Đối với các cây trồng trên đất gồm 07 cây dừa đang cho trái, 01 cây xoài nhỏ, 01 giếng nước ngầm không còn giá trị và các công trình khác trên đất gồm nhà phụ, mái che, chuồng heo, chuồng nuôi cá sấu do ông T2 tự xây dựng không phải di sản do cụ L để lại nên ông T không yêu cầu chia.

Đối với phần đất diện tích 5,5m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 41 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn D đứng tên và phần nhà vệ sinh do ông D xây dựng trên đất là tài sản của ông D nên ông T không yêu cầu chia thừa kế đối với phần này.

Đối với phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 36,3m² thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 41 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Phạm Thị D1 đứng tên và phần mái che phía sau nhà chị D1 trên đất là tài sản của chị D1 nên ông T không yêu cầu chia thừa kế đối với phần này.

Nay, ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất còn lại theo đo đạc thực tế diện tích 572,3m² (trong đó có 81,8m² đất quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41 và diện tích 116,6m² thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cùng với căn nhà tình nghĩa

trên đất do ông T2 đang quản lý, sử dụng và số tiền 7.771.415 đồng. Ông T yêu cầu chia đều cho 07 anh em ông T gồm: Bà Phạm Thị Đ1 (đã chết), ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T9 (đã chết), ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, ông Phạm Út T2 và ông Phạm Văn D, mỗi người được hưởng một kỹ phần bằng nhau. Ông T yêu cầu được nhận hiện vật. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

Theo ông Phạm Út T2 là bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian chết của cụ T8 và cụ L, thống nhất những người con của cụ T8 và cụ L, thống nhất thời gian chết của bà Đ1, ông T9 và những người con của bà Đ1, ông T9.

Ông cũng thống nhất tại thời điểm cụ L chết có để lại di sản gồm phần đất diện tích 714,9m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41 và phần đất diện tích 167,1m² thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41, tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do cụ Lê Thị L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa do Nhà nước cấp cho cụ L theo chế độ gia đình liệt sĩ. Căn nhà và đất hiện do ông đang quản lý, sử dụng cùng vợ Ngô Thị C và con là Ngô Trọng V2. Ngoài ra, cụ L còn để lại phần tiền bồi thường hỗ trợ cho cụ L 7.771.415 đồng.

Đối với các phần đất mà ông T rút yêu cầu khởi kiện và các phần đất, tài sản ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế thì ông thống nhất, không có ý kiến.

Nay, ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất còn lại theo đo đạt thực tế diện tích 572,3m² (trong đó có 81,8m² đất quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41 và diện tích 116,6m² thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cùng với căn nhà tình nghĩa trên đất do ông đang quản lý sử dụng và số tiền 7.771.415 đồng thì ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông T vì các tài sản này do của cụ L để lại cho ông, do ông sống chung với cụ L. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T chia thừa kế theo pháp luật, ông yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác do hiện nay ông không còn nơi ở nào khác. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

** Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị C trình bày:* Bà thống nhất theo lời trình bày của ông T2, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Trường V1, chị Lê Thị N1 trình bày:* Anh, chị đồng ý việc ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do bà ngoại anh, chị là cụ Lê Thị L chết để lại. Mẹ anh, chị là bà Phạm Thị Đ1 chết vào ngày 09/6/2003 âm lịch (là con ruột của cụ Lê Thị L), cha anh, chị là ông Lê Văn B hiện đã chết vào ngày 06/11/2017 âm lịch. Cha mẹ anh, chị có tất cả là 05 người con gồm: Lê Kim N, Lê Trường G, Lê Trường V1, Lê Thị Cẩm T4, Lê Vũ Khương . Ngoài ra, cha mẹ anh, chị không còn người con riêng, con nuôi nào khác.

Anh, chị thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế phần di sản do bà ngoại anh, chị là cụ Lê Thị L chết để lại theo quy định pháp luật, mẹ anh, chị

là hàng thừa kế thứ nhất đã chết thì anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho 05 anh chị em anh, chị được hưởng phần di sản mà mẹ anh, chị được hưởng nếu còn sống. Ngoài ra, anh, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị D1 trình bày:* Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp ngày 19/01/2024, trong phần đất chị đang sử dụng có phần diện tích 14,5m² thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 do cụ L đang đứng tên, do từ trước đến nay chị sử dụng đất chị không biết có một phần đất của cụ L đứng tên, chị nghĩ các phần đất chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là liền nhau đều là đất của chị. Chị thống nhất theo kết quả đo đạc và thống nhất phần đất này là đất của cụ L.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, trong đó có phần đất diện tích 14,5m² thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 mà chị đang sử dụng thì chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông T. Do một phần căn nhà của chị đã cất trên đất không thể tháo dỡ nhà để trả lại đất nên trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T, chị yêu cầu được nhận phần đất diện tích 14,5m² thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 do cụ L đứng tên, chị đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế. Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xin vắng mặt.

** Theo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P, tỉnh Bạc Liêu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Đề thực hiện dự án tuyến đường P - P thì Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi diện tích 6,1m² thuộc thửa đất số 47, Tờ bản đồ số 41 của bà Lê Thị L đứng tên và Quyết định số 4870/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P quyết định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Lê Thị L (đã chết), con đại diện gia đình là ông Phạm Út T2, với số tiền 7.771.415 đồng. Tuy nhiên, đến nay hộ gia đình bà Lê Thị L vẫn chưa nhận tiền bồi thường.

Căn cứ theo Quyết định số 4870/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P thì hiện nay Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P là cơ quan có trách nhiệm thực hiện việc chi trả số tiền bồi thường này. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P sẽ thực hiện việc chi trả tiền bồi thường theo bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo bà Phạm Thị E, ông Phạm Văn T3 và ông Phạm Văn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà E, ông T3 và ông D yêu cầu được nhận hiện vật. Đối với các tài sản mà ông T rút yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu chia thừa kế thì bà E, ông T3 và ông D cũng thống nhất. Ngoài ra bà E, ông T3 và ông D không còn yêu cầu gì khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xir:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 90,7m² và 27,8m².
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế thành 07 phần bằng nhau đối với diện tích 573,4m² thuộc thửa 47 và 115,4m² thuộc thửa 98, căn nhà tình nghĩa gắn liền trên đất. Tổng giá trị nhà, đất 375.248.409 đồng và 7.771.415 đồng.

Giao toàn bộ nhà, đất diện tích 566,5m² + 100,9m² cho ông T2 sử dụng, sở hữu. Ông T2 có trách nhiệm hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Giao cho ông D diện tích 6,9m², ông D có trách nhiệm hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Giao cho chị D2 diện tích 14,5m², chị D1 có trách nhiệm hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác

3. Hàng thừa kế thứ nhất của của cụ L mỗi người được nhận 1.110.202 đồng tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất; lãi suất trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 09/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị E và ông Phạm Văn D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Không đồng ý nhận giá trị, mà yêu cầu nhận hiện vật là quyền sử dụng đất 116,6m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị E và ông Phạm Văn D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Đề nghị Hội đồng xét phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn T yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ Lê Thị L.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị E và ông Phạm Văn D:

[3.1] Các đương sự đều thống nhất di sản của cụ Lê Thị L chết để lại chưa chia gồm: Diện tích 572,3m² (trong đó có 81,8m² đất quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41 và diện tích 116,6m² thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cùng với căn nhà tình nghĩa trên đất do ông T2 đang quản lý, sử dụng và số tiền bồi thường là 7.771.415 đồng; hàng thừa kế thứ nhất của cụ L có: Bà Phạm Thị Đ1 (đã chết ngày 09/6/2003 âm lịch), ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T9 (đã chết ngày 06/11/2017), ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, ông Phạm Út T2 và ông Phạm Văn D, thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Sau khi Toà án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm, ông D và bà E nhận giá trị kỷ phần thừa kế do ông T2 giao lại. Ông D và bà E yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất các bên yêu cầu chia thừa kế là đất sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm (bút lục 05), không đảm bảo diện tích tối thiểu tách thửa nếu chia hiện vật cho ông D, bà E, quy định tại khoản 2 Điều 5 quy định điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh B*) và ông T2 cũng đã xây dựng nhiều công trình khác trên đất không thể di dời. Bên cạnh, bà E, ông D đều có nơi ở ổn định, còn đây là nơi ở duy nhất của ông T2. Tại phiên toà, ông D và bà E cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác làm thay đổi bản chất vấn đề.

[3.3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị E, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự:

Ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị E không được chấp nhận kháng cáo, nên ông D, bà E mỗi người phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông D đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0007008 ngày 09/9/2024 và bà E đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số 0007007 ngày 09/9/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

[6] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 186, Điều 217, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 468, Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 634, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5 quy định điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh B*); điểm a, b, c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị E.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2024/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với ông Phạm Út T2 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 90,7m² (trong đó diện tích 36,5m² thuộc thửa đất số 98 tờ bản đồ số 41 và diện tích 54,2m² thuộc thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41 (có 12,1m² đất quy hoạch giao thông)) và quyền sử dụng đất diện tích 27,8m² (trong đó diện tích 1,2m² thuộc thửa đất số 98 tờ bản đồ số 41 và diện tích 26,6m² thuộc thửa đất số 47 tờ bản đồ số 41) tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ông Phạm Út T2.

2.1. Chia di sản thừa kế cho hàng thừa kế của cụ Lê Thị L đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 7.771.415 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm mười lăm đồng), gồm:

- Chia cho ông Phạm Văn T số tiền 1.110.202 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn hai trăm lẻ hai đồng).

- Chia cho ông Phạm Văn T3 số tiền 1.110.202 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn hai trăm lẻ hai đồng).

- Chia cho bà Phạm Thị E số tiền 1.110.202 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn hai trăm lẻ hai đồng).

- Chia cho ông Phạm Văn D số tiền 1.110.202 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn hai trăm lẻ hai đồng).

- Chia cho ông Phạm Út T2 số tiền 1.110.202 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn hai trăm lẻ hai đồng).

- Chia cho anh Phạm Văn T5, anh Phạm Văn T6, chị Phạm Thị G1 mỗi người được nhận số tiền 370.067 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

- Chia cho chị Lê Kim N, anh Lê Trường G, anh Lê Trường V1, chị Lê Thị Cẩm T4, anh Lê Vũ K mỗi người được nhận số tiền 222.040 đồng (Hai trăm hai mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, ông Phạm Văn D, ông Phạm Út T2, anh Phạm Văn T5, anh Phạm Văn T6, chị Phạm Thị G1, chị Lê Kim N, anh Lê Trường G, anh Lê Trường V1, chị Lê Thị Cẩm T4, anh Lê Vũ K có quyền đến Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện P, tỉnh Bạc Liêu để nhận số tiền được chia theo quy định pháp luật.

2.2. Chia di sản thừa kế theo pháp luật căn nhà và quyền sử dụng đất diện tích 573,4m² (trong đó có 81,8m² đất quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41 và diện tích 115,4m² thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho hàng thừa kế của cụ Lê Thị L, gồm:

2.2.1. Chia cho ông Phạm Út T2 được quyền sử dụng đất: Diện tích 566,5m² (trong đó có 81,8m² đất quy hoạch giao thông) thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41, diện tích 100,9m² thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41, cùng tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu và được quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất (Là căn nhà tình nghĩa do Nhà nước hỗ trợ xây dựng năm 2011).

+ Diện tích đất 566,5m², có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Khắc L1, ông Phạm Văn D và một phần thửa 47 (do ông D đang sử dụng), có số đo 32,68m + 2,76m + 12,0m + 4,04m + 8,45m + 6,82m + 1,80m + 17,02m + 13,02m.

Hướng Tây giáp lối đi chung và thửa đất số 98 (do ông T2 đang sử dụng), có số đo 41,24m + 4,35m + 0,90m + 3,23m + 7,38m + 2,74m + 24,77m + 3,02m + 0,84m + 13,31m.

Hướng Nam giáp đường bê tông, có số đo 6,63m.

Hướng Bắc giáp đất ông Phạm Văn T3, có số đo 6,20m.

+ Diện tích 100,9m², có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 47 (do ông T2 đang sử dụng), có số đo 7,38m + 2,74m + 24,77m.

Hướng Tây giáp lối đi chung, có số đo 8,36m + 1,95m + 3,39m + 1,35m + 4,22m + 13,34m + 5,57m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 47 (do ông T2 đang sử dụng), có số đo 3,02m.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 47 (do ông T2 đang sử dụng), có số đo 3,23m.

Hiện trạng trên hai phần đất gồm có: Căn nhà chính ngang 4,9m, dài 12m, diện tích 58,8m². Kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, vách xây tường 10cm, nền

lát gạch bông, mái lợp tol xi măng, đòn tay cây dầu (Là căn nhà tình nghĩa do Nhà nước hỗ trợ xây dựng năm 2011); Nhà phụ ngang 4,85m x dài 8,9m, diện tích 43,16m², kết cấu: khung sườn bê tông cốt thép, vách xây tường, nền lát gạch bông, mái lợp tol kẽm, đòn tay thép hộp; Mái che nhà sau ngang 4,7m x dài 4,5m, diện tích 21,15m², kết cấu: khung sườn bê tông cốt thép, vách một bên thiết một bên xây tường, nền tráng xi măng, mái lợp tol xi măng, đòn tay thép hộp; Mái che phía trước nhà chính ngang 5,5m x dài 6,6m, diện tích 36,3m², kết cấu: khung sườn bê tông cốt thép, hai bên xây tường cao 01m, nền lót gạch bông 28m², còn lại tráng xi măng, mái lợp tol kẽm, đòn tay thép hộp; Chuồng heo ngang 02m x dài 7,6m, diện tích 15,2m², kết cấu: khung sườn cây gỗ địa phương, mái lợp thiết, xung quanh xây gạch cao 01m, nền tráng xi măng; Chuồng nuôi cá sấu ngang 4,1m x dài 6,0m, cao 1,9m, diện tích 38,38m², kết cấu: khung sườn bê tông cốt thép, nền tráng xi măng, vách xây tường và kéo lưới B40; 01 giếng nước ngầm, phi 42.

Ông Phạm Út T2 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

2.2.2. Chia cho ông Phạm Văn D được quyền sử dụng đất diện tích 6,9m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 41 tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Lê Khắc L1, có số đo 0,22m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 47 (do ông T2 đang sử dụng), có số đo 1,80m.

Hướng Nam giáp đất ông Phạm Văn D, có số đo 7,0m.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 47 (do ông T2 đang sử dụng), có số đo 6,82m.

Hiện trạng trên đất có phần nhà phụ của ông Phạm Văn D, kết cấu: khung sườn cây gỗ địa phương, vách dùng thiết, nền gạch bông, mái lợp thiết, đòn tay thép hộp, bên trong có hai nhà vệ sinh liền kề.

Ông Phạm Văn D được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

2.2.3. Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 14,5m² thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 41 tọa lạc ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho chị Phạm Thị D1, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp lối đi chung (thửa đất số 98), có số đo 3,00m.

Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị T10, có số đo 3,05m.

Hướng Nam giáp đất chị Phạm Thị D1, có số đo 4,82m.

Hướng Bắc giáp đất chị Phạm Thị D1, có số đo 4,80m.

Hiện trạng trên đất có phần mái che phía sau nhà của chị D1, kết cấu: khung sườn bê tông cốt thép, nền lót gạch bông, mái lợp tol lạnh, đòn tay thép hộp, hai bên có xây vách tường cao 02m, bên trong có hai nhà vệ sinh liền kề xây tường (vách có dán gạch bông).

Chị Phạm Thị D1 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được công nhận nêu trên.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/7/2022, ngày 19/01/2024 của Toà án nhân dân huyện Phước Long; bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 20/3/2024 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh B)

2.2.4. Buộc ông Phạm Út T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E mỗi người số tiền 51.475.499 đồng (Năm mươi một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

2.2.5. Buộc ông Phạm Út T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho ông Phạm Văn D số tiền 48.073.799 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

2.2.6. Buộc ông Phạm Út T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho anh Phạm Văn T5, anh Phạm Văn T6, chị Phạm Thị G1 mỗi người số tiền 17.158.499 đồng (Mười bảy triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

2.2.7. Buộc ông Phạm Út T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho chị Lê Kim N, anh Lê Trường G, anh Lê Trường V1, chị Lê Thị Cẩm T4, anh Lê Vũ K mỗi người số tiền 10.295.099 đồng (Mười triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn không trăm chín mươi chín đồng).

2.2.8. Buộc chị Phạm Thị D1 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, ông Phạm Văn D và ông Phạm Út T2 mỗi người số tiền 1.021.214 đồng (Một triệu không trăm hai mươi một nghìn hai trăm mười bốn đồng).

2.2.9. Buộc chị Phạm Thị D1 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho anh Phạm Văn T5, anh Phạm Văn T6, chị Phạm Thị G1 mỗi người số tiền 340.404 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng).

2.2.10. Buộc chị Phạm Thị D1 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho chị Lê Kim N, anh Lê Trường G, anh Lê Trường V1, chị Lê Thị Cẩm T4, anh Lê Vũ K mỗi người số tiền 204.242 đồng (Hai trăm lẻ bốn nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp số tiền 11.009.225 đồng (Mười một triệu không trăm lẻ chín ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng). Ông Phạm Văn T phải chịu 1.577.225 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng). Ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, ông Phạm Văn D, ông Phạm Út T2 mỗi người phải chịu 1.572.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng). Anh Phạm Văn T5, anh Phạm Văn T6, chị

Phạm Thị G1 mỗi người phải chịu 524.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn ngàn đồng). Chị Lê Kim N, anh Lê Trường G, anh Lê Trường V1, chị Lê Thị Cẩm T4, anh Lê Vũ K mỗi người phải chịu 314.400 đồng (Ba trăm mười bốn ngàn bốn trăm đồng).

Ông T đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 11.009.225 đồng (Mười một triệu không trăm lẻ chín ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng) theo Phiếu thu số 26/TB-TĐ ngày 03/3/2022, Phiếu thu số 23/TB-TĐ ngày 02/01/2023, Phiếu thu số 59/TB-TĐ ngày 24/4/2023. Buộc ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, ông Phạm Văn D, ông Phạm Út T2 mỗi người phải hoàn trả cho ông Phạm Văn T số tiền 1.572.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Buộc anh Phạm Văn T5, anh Phạm Văn T6, chị Phạm Thị G1 mỗi người phải hoàn trả cho ông Phạm Văn T số tiền 524.000 đồng (Năm trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Buộc chị Lê Kim N, anh Lê Trường G, anh Lê Trường V1, chị Lê Thị Cẩm T4, anh Lê Vũ K mỗi người phải hoàn trả cho ông Phạm Văn T số tiền 314.400 đồng (Ba trăm mười bốn ngàn bốn trăm đồng).

5. Về án phí dân sự:

5.1. Ông Phạm Văn T được miễn án phí. Ông Phạm Văn T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004892 ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

5.2. Buộc ông Phạm Văn T3, bà Phạm Thị E, ông Phạm Văn D, ông Phạm Út T2 mỗi người phải chịu án phí 2.680.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

5.3. Buộc anh Phạm Văn T5, anh Phạm Văn T6, chị Phạm Thị G1 mỗi người phải chịu án phí 893.000 đồng (Tám trăm chín mươi ba ngàn đồng).

5.4. Buộc chị Lê Kim N, anh Lê Trường G, anh Lê Trường V1, chị Lê Thị Cẩm T4, anh Lê Vũ K mỗi người phải chịu án phí 536.000 đồng (Năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

